

Số: 38/2016/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ An toàn giao thông và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, trình tự, nội dung, biện pháp giải quyết, công tác phân tích, chế độ thống kê, báo cáo về sự cố, tai nạn giao thông đường sắt xảy ra trên hệ thống đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giao thông vận tải đường sắt trên hệ thống đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tai nạn giao thông đường sắt* là việc phương tiện giao thông đường sắt xảy ra đâm nhau, trật bánh, đổ tàu, đâm, va vào người, phương tiện giao thông khác và ngược lại hoặc phương tiện giao thông đường sắt đang hoạt động đâm, va vào chướng ngại vật gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc gây thiệt hại về tài sản.

2. *Sự cố giao thông đường sắt* là những vụ việc xảy ra trong hoạt động giao thông vận tải đường sắt gây trở ngại đến chạy tàu nhưng chưa xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

3. *Người bị thương trong vụ tai nạn giao thông đường sắt* là người bị tổn thương về sức khỏe với tỷ lệ thương tật theo quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường do ảnh hưởng trực tiếp của tai nạn giao thông.

4. *Người bị chết trong vụ tai nạn giao thông đường sắt* là người bị chết tại hiện trường vụ tai nạn hoặc chết trên đường đi cấp cứu; người bị thương trong vụ tai nạn được cấp cứu nhưng chết tại bệnh viện hoặc tại nhà.

5. *Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt* là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia hoặc đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia. Trung tâm Điều hành vận tải đường sắt có nhiệm vụ chỉ huy toàn bộ hoạt động chạy tàu trên hệ thống đường sắt quốc gia hoặc đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

6. *Giải quyết tai nạn giao thông đường sắt* là việc tổ chức cứu nạn, cứu hộ, khôi phục; tham gia, phối hợp điều tra và phân tích nguyên nhân tai nạn giao thông đường sắt.

7. *Chủ tịch Hội đồng giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt* là người chủ trì hoặc được ủy quyền giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt tại hiện trường.

Điều 4. Nguyên tắc giải quyết tai nạn giao thông đường sắt

1. Việc giải quyết tai nạn giao thông đường sắt phải bảo đảm tuyệt đối an toàn, nhanh chóng và kịp thời.

2. Khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đường sắt phải có trách nhiệm phối hợp giải quyết.

3. Tổ chức cứu chữa ngay đối với người bị nạn, bảo vệ hiện trường, bảo vệ tài sản của Nhà nước, doanh nghiệp và người bị nạn.

4. Tai nạn giao thông đường sắt phải được thông tin, báo cáo kịp thời cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khi nhận được tin báo về tai nạn giao thông đường sắt phải đến ngay hiện trường để giải quyết; không được gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt và hoạt động giao thông vận tải đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

6. Chủ tịch Hội đồng giải quyết tai nạn giao thông đường sắt (sau đây gọi tắt là Chủ tịch Hội đồng) được quyền huy động mọi nguồn lực tại chỗ, bao gồm cả các doanh nghiệp kinh doanh đường sắt khác để phục vụ cho công tác cứu chữa tai nạn giao thông đường sắt.

7. Tổ chức khôi phục hoạt động giao thông đường sắt nhanh nhất và không gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý của cơ quan chức năng.

Điều 5. Nguyên tắc giải quyết sự cố giao thông đường sắt

1. Các sự cố giao thông đường sắt phải được lập biên bản.
2. Khi sự cố giao thông đường sắt xảy ra ở khu gian, việc lập biên bản do trưởng tàu hoặc lái tàu (nếu tàu không có trưởng tàu) thực hiện. Trường hợp sự cố giao thông đường sắt xảy ra trong phạm vi ga, việc lập biên bản do trực ban chạy tàu hoặc trưởng ga thực hiện.
3. Sự cố giao thông đường sắt phải được thông tin, báo cáo kịp thời cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

PHÂN LOẠI VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI QUYẾT TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Điều 6. Phân loại theo nguyên nhân

Tai nạn giao thông đường sắt bao gồm tai nạn do nguyên nhân chủ quan và tai nạn do nguyên nhân khách quan:

1. Tai nạn do nguyên nhân chủ quan là tai nạn xảy ra do vi phạm các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường sắt của tổ chức, cá nhân thuộc các doanh nghiệp kinh doanh đường sắt.
2. Tai nạn do nguyên nhân khách quan là tai nạn do nguyên nhân bất khả kháng (thiên tai, địch họa) hoặc các nguyên nhân khác ngoài nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp kinh doanh đường sắt.

Điều 7. Phân loại theo mức độ thiệt hại do tai nạn giao thông đường sắt gây ra

1. Tai nạn giao thông đường sắt ít nghiêm trọng là tai nạn có từ 01 đến 05 người bị thương hoặc gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ hai mươi triệu đồng đến dưới một trăm triệu đồng.
2. Tai nạn giao thông đường sắt nghiêm trọng là tai nạn có 01 người chết hoặc có từ 06 đến 08 người bị thương hoặc gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ một trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng.
3. Tai nạn giao thông đường sắt rất nghiêm trọng là tai nạn có 02 người chết hoặc có từ 09 đến 10 người bị thương hoặc gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng đến dưới một tỷ năm trăm triệu đồng.
4. Tai nạn giao thông đường sắt đặc biệt nghiêm trọng là tai nạn có từ 03 người chết trở lên hoặc có từ 11 người bị thương trở lên hoặc gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng trở lên.

Điều 8. Trách nhiệm của trưởng tàu hoặc lái tàu (nếu tàu không có trưởng tàu) khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt

1. Tổ chức sơ cứu, cấp cứu ngay người bị nạn, bảo vệ tài sản của Nhà nước, doanh nghiệp, người bị nạn theo quy định tại Điều 15 của Thông tư này.

2. Tổ chức phòng vệ địa điểm tai nạn theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này.

3. Thông tin, báo cáo ngay về vụ tai nạn cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại Mục 2 Chương III của Thông tư này.

4. Lập biên bản, báo cáo về vụ tai nạn theo Mẫu quy định tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này (nếu đã có trưởng ga hoặc cơ quan công an lập Hồ sơ tai nạn) hoặc lập Hồ sơ ban đầu vụ tai nạn chuyển giao cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và cử người thay mình ở lại làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Mục 3 Chương III của Thông tư này.

Điều 9. Trách nhiệm của trưởng ga khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt

1. Trưởng ga khi nhận được tin báo về tai nạn giao thông đường sắt phải trực tiếp hoặc cử người đến ngay hiện trường để phối hợp với trưởng tàu hoặc lái tàu và các lực lượng tham gia cứu hộ khác để hỗ trợ cấp cứu người bị nạn, tổ chức phòng vệ địa điểm tai nạn theo quy định và tham gia các công việc để khắc phục hậu quả vụ tai nạn.

2. Trưởng ga phải lập Hồ sơ ban đầu vụ tai nạn (nếu xảy ra trong phạm vi ga do mình phụ trách) hoặc tiếp nhận Hồ sơ ban đầu do trưởng tàu, lái tàu lập (khi tai nạn xảy ra trong khu gian) để chuyển giao cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 21 của Thông tư này.

3. Trưởng ga là người chủ trì giải quyết hậu quả ban đầu của vụ tai nạn chạy tàu nếu Chủ tịch Hội đồng giải quyết tai nạn chưa đến hiện trường.

Điều 10. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia

1. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp kinh doanh quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng liên quan, tổ chức giải quyết các vụ tai nạn giao thông đường sắt trên đường sắt quốc gia; tham gia công tác cứu hộ trên đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia khi có yêu cầu.

2. Khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia căn cứ theo nguyên nhân, mức độ thiệt hại để lập Hội đồng giải quyết tai nạn hoặc giao nhiệm vụ cho cá nhân có thẩm quyền để chủ trì giải quyết tai nạn.

3. Khi các phương tiện giao thông đường sắt của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt xảy ra tai nạn giao thông đường sắt trên đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia thì Tổng giám đốc doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia có trách nhiệm phối hợp với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng thành lập Hội đồng giải quyết tai nạn, nhưng trong Hội đồng phải có đủ thành phần của hai bên để cùng nhau giải quyết.

4. Tổng giám đốc doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp quản lý, khai thác đường sắt chuyên dùng quy định cụ thể việc thành lập Hội đồng giải quyết tai nạn hoặc giao cho cá nhân chủ trì giải quyết tai nạn; quy định nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng và các đơn vị thuộc quyền quản lý có liên quan; quy định cụ thể về công tác cứu hộ tai nạn trên các khu vực đường sắt thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp để đảm bảo giải quyết hậu quả tai nạn được nhanh chóng, an toàn.

Điều 11. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng giải quyết tai nạn

1. Chủ tịch Hội đồng giải quyết tai nạn ra các quyết định cần thiết, phối hợp với các cơ quan, chính quyền địa phương để giải quyết tai nạn theo đúng quy định của pháp luật và phải chỉ đạo hoàn thành các công việc sau:

- a) Tổ chức cứu chữa người bị nạn, bảo vệ hiện trường, tài sản;
- b) Tham gia điều tra, lập biên bản khám nghiệm hiện trường theo yêu cầu của cơ quan công an;
- c) Phối hợp với các cơ quan, chính quyền địa phương có liên quan hoàn thiện các thủ tục pháp lý mai táng nạn nhân;
- d) Lập phương án cứu chữa và phân công nhân lực thực hiện chuyển tải hành khách, hàng hóa; cứu hộ đầu máy, toa xe; sửa chữa cầu, đường và các phương tiện thiết bị khác bị hư hỏng để nhanh chóng khôi phục chạy tàu qua vị trí tai nạn và thông tuyến; đảm bảo an toàn trong quá trình cứu chữa;
- đ) Tập hợp biên bản, hồ sơ vụ tai nạn; xác định khối lượng công việc, nhân công của các đơn vị tham gia cứu hộ, cứu nạn;
- e) Xây dựng báo cáo tổng hợp; đề xuất việc khen thưởng thành tích và xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân tham gia giải quyết tai nạn; đề xuất biện pháp với cơ quan có thẩm quyền để khôi phục bình thường hoạt động đường sắt và giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan;
- g) Tổng hợp các thiệt hại của vụ tai nạn để cung cấp cho các cơ quan chức năng phục vụ điều tra và bồi thường theo quy định của pháp luật (nếu có) cho tổ chức, cá nhân bị hại.

2. Các thành viên tham gia Hội đồng phải triệt để thi hành phân việc được phân công và thực hiện tốt các công việc được giao; mọi tổ chức, cá nhân khác tham gia giải quyết tai nạn đều chịu sự chỉ đạo và phải chấp hành mọi quyết định của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia hoạt động giao thông đường sắt

Khi xảy ra tai nạn làm gián đoạn giao thông đường sắt thì Lãnh đạo các doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, kinh doanh vận tải đường sắt, đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện giao thông đường sắt và các đơn vị khác liên quan đến tai nạn phải cử ngay người có thẩm quyền nhanh chóng tới hiện trường nắm bắt tình hình và tham gia giải quyết tai nạn, khôi phục giao thông.